

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 05/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6641/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thúy H sinh năm 1986, nơi đăng ký thường trú: xóm 8, xã LT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ hiện nay: 25 Gaya-Gaya eup-Haman gun-Gyeong Sang nam do-Korea (Đại Hàn Dân Quốc); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thám sinh năm 1958; địa chỉ: Số 5B tổ 6, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Vũ Văn D sinh năm 1984, địa chỉ hiện nay: xóm Chợ Cũ, thôn TX, xã NH, huyện YM, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2021 và các văn bản nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H (chị H) trình bày yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Năm 2008, chị H sang Hàn Quốc theo hợp đồng lao động. Thời gian sống tại Hàn Quốc chị H và anh Vũ Văn D (anh D) có quan hệ tình cảm với nhau. Đầu năm 2011, chị H có thai với anh D. Ngày 10/7/2011 chị H và anh D về Việt Nam. Ngày 03/8/2011 chị H và anh D đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Cuối năm 2011, chị H sinh cháu Vũ Hồng D1 (cháu D1). Ngày 10/01/2012, chị H tiếp tục sang Hàn Quốc làm việc theo hợp đồng lao động. Trước khi đi chị H gửi cháu D1 và toàn bộ giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn đứng tên chị H và anh D, giấy khai sinh của cháu D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vũ Văn D và Nguyễn Thị Thúy H cho ông Vũ Văn Ba (là bố đẻ anh D) cất giữ. Từ khi chị H quay trở lại Hàn Quốc làm việc thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh D thường xuyên cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 10/2012, anh D về Việt Nam, vợ chồng chị H, anh D mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi sang Hàn Quốc, chị H vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại về nhà cho bố mẹ anh D xin gặp con nhưng từ khi cháu D1 được tròn một tuổi chị H không được gặp cháu qua Zalo nữa nên chị H cũng không điện thoại về nhà. Từ đó đến nay giữa chị H và anh D cũng như gia đình chồng không có liên lạc gì nữa, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị H được ly hôn với anh D. Chị H và anh D có một con chung là cháu Vũ Hồng D1 sinh ngày 20/10/2011, hiện cháu đang ở với anh D. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu D1, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị H đang lao động tại Hàn Quốc nên chị H đề nghị Tòa án giao cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các văn bản đề ngày 28/02/2023, ngày 12/5/2023 và văn bản đề ngày 30/01/2024, chị H trình bày: Hiện nay, chị H đang lao động tại Hàn Quốc vì lý do công việc nên chị H không thể về nước để tham gia tố tụng được nên chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị H và anh D và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai đề ngày 22/6/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vũ Văn D (anh D) trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

Anh D và chị H cùng là lao động (xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc) và gặp nhau năm 2010. Tháng 06/2011, anh D và chị H về Việt Nam đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Tháng 8/2011, anh D quay lại Hàn Quốc để làm việc. Chị H ở lại Việt Nam sinh con. Đến tháng 12/2011, chị H quay lại Hàn Quốc làm việc. Vợ chồng anh D, chị H chung sống với nhau một

thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt không thể hòa hợp được. Tháng 8/2012, anh D hết hạn hợp đồng lao động và ra sống bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Khi đó chị H đang là lao động hợp pháp. Do tình cảm mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau, cho nên chị H đã nhờ chị gái họ (con nhà bác ruột) tên là Hậu tố anh D sống bất hợp pháp với Cảnh sát Hàn Quốc. Khi báo Cảnh sát đến thì anh D không có ở phòng và không bắt được anh D. Sau đó, chị H mang tài sản là xe ô tô của anh D đưa cho bạn trai của chị H. Anh D đã theo dõi và xuống tận nơi của chị H và bạn trai ở HAMAN –KOREA. Anh D nhận thấy chị H không có đạo đức làm mẹ, làm vợ. Sống bạc tình bạc nghĩa với chồng mình, có hành vi báo cảnh sát bắt chồng, mang tài sản đi cho bạn trai không phụ cấp nuôi dưỡng con. Vì vậy, anh D quyết định ra trình diện và mua vé về Việt Nam vào năm 2013.

Về con chung: chị H và anh D có 1 con chung là cháu Vũ Hồng D1 sinh ngày 20/10/2011. Cháu D1 hiện đang ở cùng với anh D. Mười ba năm nay cháu D1 không biết mặt mẹ. Chị H không điện thoại và cấp dưỡng nuôi con. Phía bên ngoại cũng không quan tâm gì với cháu D1.

Tại Biên bản làm việc ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, anh D trình bày quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung giữa anh D và chị H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 273, 464, 469, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân:

Cho chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn anh Vũ Văn D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vũ Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Vũ Hồng D1, sinh ngày 20/10/2011 cho anh Vũ Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thúy H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thúy H phải đóng góp nuôi con chung với anh Vũ Văn D số tiền là 2.000.000 đ/tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời hạn đóng

góp nuôi con chung được tính khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Hồng D1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/4/2024, bị đơn - anh Vũ Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn - anh Vũ Văn D trình bày: Anh xin rút kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn trong khi chị H không có mặt tại phiên tòa là vi phạm tố tụng; các tài liệu về năm sinh của chị H và của anh trong hồ sơ không thống nhất, chữ ký của chị H không giống nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận; hiện bản thân anh không biết chị H ở đâu, không liên lạc được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thám trình bày: Về thông tin nhân thân của nguyên đơn, bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh đầy đủ, căn cứ vào căn cước công dân, thông tin do UBND xã cung cấp đã xác định chị H sinh năm 1986, anh D sinh năm 1984 là đúng; đối với các văn bản do chị H ký và gửi về đều có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên trình bày của anh D là không đúng; việc chị H không cho anh D biết địa chỉ là do chị lo sợ anh D thuê người đe dọa tính mạng của chị. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ, xem xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn – anh Vũ Văn D làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ những người tham gia tố tụng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc cho rằng chị H không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án vẫn xử cho ly hôn là vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2021, các bản tự khai, các văn bản đề ngày 28/02/2023, ngày 12/5/2023 và ngày 30/01/2024 của chị Nguyễn Thị Thúy H đều được Đại sứ quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc chứng thực, do đó các văn bản này đều hợp pháp về hình thức. Về nội dung: chị H trình bày hiện chị đang lao động tại Hàn Quốc vì lý do công việc nên chị không thể về nước để tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị và anh D và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vũ Văn D tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình ngày 03 tháng 8 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Hai vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Hồng D1 sinh ngày 20/10/2011. Quá trình chung sống, khoảng cuối năm 2011, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 8/2012, anh D hết hạn hợp đồng lao động và ra sống bất hợp pháp tại Hàn Quốc mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2013, anh D về Việt Nam sinh sống. Từ khi anh D về Việt Nam cho đến nay chị H và anh D không quan tâm tới cuộc sống của nhau, không còn liên lạc với nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vũ Văn D đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn anh Vũ Văn D là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh D thừa nhận đã 14 năm nay giữa anh và chị H không hề có liên lạc gì, anh cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ, đưa ra biện pháp gì để hai vợ chồng có khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung này.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao con chung là cháu Vũ Hồng D1 sinh ngày 20/10/2011 cho anh Vũ Văn D nuôi dưỡng và buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh D với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, anh D chấp nhận mức cấp dưỡng nêu trên và xin rút kháng cáo đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, cả chị H và anh D đều không đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh D mới kháng cáo yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hai vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu kháng cáo này của anh D là vượt quá phạm vi giải quyết vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét, giải quyết. Anh D có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Tổng hợp những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Vũ Văn D kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Vũ Văn D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn – anh Vũ Văn D về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – anh Vũ Văn D, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình về quan hệ hôn nhân, cụ thể:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 122, 123, 127 của Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014, xử: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn anh Vũ Văn D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vũ Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000022 ngày 25/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hùng

Nguyễn Ngọc Hoa

Trần Xuân Thảo